

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1296* /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày *10* tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất sét đồi làm gạch tuynel trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất sét đồi làm gạch tuynel tại xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa”

*(Khu vực Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng FLC được cấp phép thăm dò)
(Trữ lượng tính đến ngày 02 tháng 10 năm 2018)*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn; Thông tư 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác thăm dò, cát sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp;

Căn cứ Giấy phép số 244/GP-UBND ngày 26/7/2018 của UBND tỉnh cho phép Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng FLC (đổi tên từ Công ty cổ phần Gạch tuynel FLC Đò Lèn - Hậu Lộc) được thăm dò khoáng sản đất sét đồi làm gạch tuynel tại xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng FLC tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 12/11/2018;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 285/TTr-STNMT ngày 04 tháng 4 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất sét đồi làm gạch tuynel trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất sét đồi làm gạch tuynel tại xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung sau:

1. Vị trí, diện tích:

Diện tích thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 18,607 ha, gồm 04 khu: Khu 1 diện tích 7,0 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 8; khu 2 diện tích 5,0 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 9 đến 15; khu 3 diện tích 2,993 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 16 đến 22; khu 4 diện tích 3,614 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 23 đến 28 (có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và bản vẽ số 3).

2. Trữ lượng khoáng sản:

2.1. Tổng trữ lượng địa chất đất sét đồi làm gạch tuynel cấp 121 + 122 là 540.625 m³ (khu 1 là 200.722 m³; khu 2 là 145.092 m³; khu 3 là 88.348 m³; khu 4 là 106.643 m³); trong đó:

+ Cấp 121: 210.386 m³;

+ Cấp 122: 330.239 m³.

2.2. Trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác: 522.150 m³; trong đó: Khu 1 là 194.567 m³; khu 2 là 140.318 m³; khu 3 là 84.984 m³; khu 4 là 102.877 m³.

3. Mức sâu các khối tính trữ lượng phê duyệt: Như Phụ lục số 02 kèm theo;

Trữ lượng của từng khu vực, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Văn phòng Bộ TN&MT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng FLC;
- TT Thông tin lưu trữ địa chất;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

**TỌA ĐỘ THẨM ĐÓNG, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN MỎ ĐẤT
SÉT ĐỎ TẠI MỎ GẠCH TUYNEL TẠI XÃ HÀ LONG, HUYỆN HÀ TRUNG,
TỈNH THANH HÓA**

(Phụ lục kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: **1296/QĐ-UBND**
ngày **10** tháng **4** năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực	Điểm góc	TỌA ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ .00', múi chiếu 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
Khu 1 7,0 ha	1	2222774.60	582382.60
	2	2222353.30	582486.90
	3	2222194.50	582425.60
	4	2222199.60	582362.40
	5	2222478.80	582243.60
	6	2222563.40	582382.00
	7	2222699.90	582319.10
	8	2222751.40	582321.50
Khu 2 5,0 ha	9	2222172.10	582361.10
	10	2222163.80	582464.50
	11	2222059.70	582452.00
	12	2221918.80	582383.80
	13	2221782.90	582406.80
	14	2221753.40	582346.50
	15	2221855.70	582238.80
Khu 3 2,993 ha	16	2221852.40	583060.20
	17	2221802.20	583190.70
	18	2221696.10	583158.90
	19	2221679.00	583174.20
	20	2221659.50	583077.90
	21	2221640.60	582990.50
	22	2221784.40	582995.30
Khu 4 3,614 ha	23	2221661.80	583189.70
	24	2221614.00	583232.50
	25	2221473.90	583143.60
	26	2221454.30	582984.30
	27	2221620.00	582989.80
	28	2221639.90	583082.00

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN MỎ ĐẤT SÉT ĐỎI LÀM GẠCH
TUYNEL TẠI XÃ HÀ LÔNG, HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

(Phụ lục kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: **1296/QĐ-UBND**
ngày **10** tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực	Khối trữ lượng	Cấp trữ lượng	Mức sâu thấp nhất và cao nhất các khối trữ lượng	Trữ lượng (m ³)
Khu 1	1-122	122	Thấp nhất: + 6,5 m Cao nhất: +17,6 m	14 880
	2-122	122		49 501
	3-121	121		58 054
	4-122	122		78 287
Khu 2	5-122	122	Thấp nhất: + 6,6 m Cao nhất: + 23,01 m	15 747
	6-121	121		36 017
	7-122	122		77 894
	8-122	122		15 434
Khu 3	9-122	122	Thấp nhất: + 1,5 m Cao nhất: + 9,5 m	17 865
	10-121	121		52 789
	11-122	122		17 694
Khu 4	12-122	122	Thấp nhất: + 1,65 m Cao nhất: + 10,05 m	17 362
	13-121	121		63 526
	14-122	122		25 575
Tổng trữ lượng				540.625